| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠCH THÀNH**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2023/DS- ST
Ngày: 28/9/2023
*V/v: Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Quách Hà Vính

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên toà.***

Ngày 28/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST- DS, ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST – DS ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn S, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa

-*Bị đơn:*

+ Anh Ngô Tiến S, sinh năm 1974

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký tạm trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt ông N và anh S. Vắng mặt chị T (Chị T vắng mặt lần thứ 2 không có lí do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trịnh Văn N trình bày:

Năm 2019 ông có bán thức ăn chăn nuôi lợn cho anh Ngô Tiến S và chị Nguyễn Thị T. Vào ngày 26/10/2019 hai bên chốt công nợ với nhau và anh Ngô Tiến S, chị Nguyễn Thị T có viết giấy khất nợ cụ thể là anh S, chị T nợ ông số tiền 239.000.000 đồng hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ là 03 tháng đến ngày 30/01/2020 vợ chồng anh S, chị T phải thanh toán toàn bộ tiền cho ông. Lãi xuất hai bên thỏa thuận là 1,05 % tháng, nhưng nếu đến ngày 30/01/2020 không thanh toán sẽ chịu lãi suất là 3% mỗi tháng. Quá hạn đã lâu ông đã đòi tiền nhiều lần nhưng anh S và chị T mới thanh toán cho ông được 40.000.000 đồng tiền gốc. Đến nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ, chồng anh S, chị T phải thanh toán cho ông số tiền gốc là 199.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 30/01/2020 với mức lãi suất là 1,6 % mỗi tháng.

Tiền lãi tính từ ngày 30/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2023) là 03 năm 07 tháng 29 ngày. Khoản này bằng 199.000.000đ x 1,6% x 43 tháng 29 ngày = 139.990.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông N tiếp tục yêu cầu anh anh S và chị T phải trả lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất theo thỏa thuận là 1.6%/tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Gia đình chị có nợ tiền cám của ông N và hai bên chốt nợ theo giấy khất nợ ngày 26/10/2019 như ông N trình bày là đúng sự thật. Tuy nhiên đến nay hoàn cảnh gia đình chị rất khó khăn không có khả năng trả nợ cho ông N, chị có đề nghị sẽ trả trước cho ông N số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại chị đề nghị trả dần hằng tháng cho ông N.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Ngô Tiến S trình bày:

Gia đình anh có nợ tiền cám của ông N và hai bên chốt nợ theo giấy khất nợ ngày 26/10/2019 như ông N trình bày là đúng sự thật. Giấy khất nợ ngày 26/10/2019 là do anh viết. Tuy nhiên sau khi chốt nợ thì anh có đưa cho vợ, anh 70.000.000 đồng để trả cho ông N, ông N chỉ chấp nhận vợ, chồng anh trả số tiền 40.000.000 đồng, việc này anh cần

đối chiếu lại các lần chuyển khoản và hỏi lại vợ anh là chị Nguyễn Thị T. Đối với yêu cầu của ông N về trả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Do làm ăn bị thua lỗ nên gia đình anh không thể trả ngay số tiền nợ trên cho ông N được, anh đề nghị được trả dần cho ông N. Còn yêu cầu về trả tiền lãi anh xin không phải trả tiền lãi cho ông N.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông N và chị T, anh S đang tranh chấp "Thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa" do anh S và chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh S và chị T có địa chỉ tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự. Tại phiên họp, anh S vắng mặt nên Tòa án đã Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh S theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Việc anh Ngô Tiến S và chị Nguyễn Thị T nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của ông Trịnh Văn N được thể hiện trong giấy khất nợ mà ông N giao nộp cho Tòa án. Trong giấy khất nợ ghi rõ số tiền nợ, ngày khất nợ, ngày trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là anh S và chị T. Việc này, bản thân anh S và chị T cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng giữa các bên đã được xác lập là hợp đồng hợp pháp.

[5]. Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Trong giấy khất nợ ngày 26/10/2019, hai bên chốt nợ với nhau số tiền nợ là 239.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 30/01/2020. Sau khi chốt nợ với nhau theo ông N và chị T trình bày thì chị T đã trả được số tiền 40.000.000 đồng, anh S trình bày đã đưa cho chị T 70.000.000 đồng để trả nợ cho ông N, nhưng anh S không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Do đó có đủ căn cứ xác định, chị T và anh S còn nợ ông N số tiền nợ gốc là 199.000.000 đồng. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết ông N khởi kiện yêu cầu anh S, chị T phải trả số tiền gốc là 199.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu của ông N là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu này.

[6]. Về lãi suất: Tại giấy khất nợ ngày 26/10/2019 Hai bên thỏa thuận với nhau mức lãi suất là 1,05%/tháng. Nếu đến ngày 30/01/2020 vi phạm thời hạn trả nợ thì mức lãi suất là 3%/ tháng. Đến nay anh S và chị T đã vi phạm thời hạn trả nợ, ông N yêu cầu

anh S và chị T phải trả tiền lãi suất với mức lãi suất là 1,6% mỗi tháng tính từ ngày 30/01/2020 đến khi trả hết nợ. Yêu cầu này của ông N là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ. Thời điểm tính từ ngày 30/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2023) là 43 tháng, 29 ngày. Khoản này bằng 199.000.000đ x 1,6% x 10 tháng, 29 ngày = 139.990.000 đ (Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm anh S và chị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi với mức lãi suất 1,6% mỗi tháng, trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của ông N được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh S và chị T phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc anh Ngô Tiến S và chị Nguyễn Thị T phải trả cho ông Trịnh Văn N tổng số tiền là 338.990.000đ (Ba trăm ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2023) là 139.990.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 28/9/2023), anh S và chị T phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ với lãi suất là 1.6%/tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Anh Ngô Tiến S và chị Nguyễn Thị T phải chịu 16.949.500đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho ông Trịnh Văn N số tiền là 8.238.000đ (Tám triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0008063 ngày 29/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Trịnh Văn N, anh Ngô Tiến S. Vắng mặt chị Nguyễn Thị T. Ông N và anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
*- VKSND huyện Thạch Thành;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Văn Hải**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Văn Tân** **Nguyễn Thị Hà** **Bùi Văn Hải**